

Số: /KH-MNS2NT

Núa Ngam, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về “Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường mầm non;

Căn cứ Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 22/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ báo cáo, thống kê ngành Giáo dục (và các văn bản hướng dẫn liên quan);

Căn cứ Chương trình Giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT và sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công tác xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập;

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non (trong đó có chính sách hỗ trợ đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số).

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025, quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 19/8/2025 Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ xã Núa Ngam lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030;

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Thực trạng phát triển giáo dục của nhà trường trong giai đoạn trước:

Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược giai đoạn 2021-2025: Nhà trường cơ bản đạt được mục tiêu đề ra tuy vậy: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vẫn còn thiếu so với quy định. Trình độ đào tạo của giáo viên chưa đạt trình độ Đại học 100%; Số giáo viên giỏi cấp huyện không đạt mục tiêu đề ra ¹. Số lượng trẻ đến trường vượt xa kế hoạch đề ra, tăng cả về số lớp và số lượng học sinh nhưng kết quả nuôi dưỡng không đạt kế hoạch.² Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi còn cao do kế hoạch chiến lược trước đây xây dựng chưa sát thực tế.

2.2. Kết quả kiểm định chất lượng GD:

Thực hiện tự đánh giá trường, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ I.

2.3. Yêu cầu phát triển của nhà trường trong giai đoạn tới.

Tổ chức – quản lý

Xây dựng, triển khai kế hoạch chiến lược gắn mục tiêu đạt chuẩn quốc gia.

Tăng cường tham mưu, huy động nguồn lực đầu tư điện, nước, giao thông, cơ sở vật chất.

Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đảm bảo nền nếp, hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

¹ Mục tiêu 42% giáo viên giỏi cấp huyện, thực tế đạt 26,6%

² Năm học 2024-2025 kế hoạch dự kiến 8 lớp, 158 học sinh, thực hiện 11 nhóm, lớp, 223 học sinh; Năm học 2025-2026 kế hoạch dự kiến 8 lớp, 153 học sinh, thực hiện 11 nhóm, lớp, 228 học sinh;

Bổ sung đủ giáo viên/lớp; nâng chuẩn trình độ đội ngũ; bồi dưỡng năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc với phụ huynh dân trí thấp.

Phấn đấu đến 2029: trên 80% trên chuẩn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Tạm thời khai thác điện mặt trời.

Kiên cố hóa phòng học, xóa phòng tạm; hoàn thiện hạng mục phụ trợ (nhà vệ sinh, bếp ăn, hàng rào, sân chơi, đường vào trường).

Trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi trong/ngoài lớp, phù hợp văn hóa dân tộc.

Quan hệ nhà trường – gia đình – xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền bằng tiếng Việt và tiếng Mông, vận động phụ huynh cho con đi học, làm khai sinh kịp thời.

Phát huy vai trò các đoàn thể, cộng đồng trong xây dựng, hỗ trợ nhà trường.

Tăng cường gắn kết 3 môi trường: nhà trường – gia đình – xã hội.

Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Tổ chức chương trình GDMN linh hoạt, gắn văn hóa dân tộc H'Mông.

Tăng cường giáo dục tiếng Việt, coi là nhiệm vụ trọng tâm.

Đến 2029: giảm suy dinh dưỡng thấp còi dưới 3,5%.

Chú trọng giáo dục kỹ năng sống, rèn thói quen vệ sinh, phát triển thể chất và năng lực ban đầu cho trẻ.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thông tin chung về nhà trường.

Trường Mầm non số 2 Na Tông được thành lập trên cơ sở chia tách ra từ trường Mầm non số 2 xã Mường Nhà theo Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của UBND huyện Điện Biên với tên gọi ban đầu là Trường Mầm non số 3 xã Mường Nhà, sau được đổi tên “Trường Mầm non số 2 xã Na Tông” tại Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 và sau khi sát nhập chính quyền địa phương 2 cấp, trường được đổi tên là “Trường Mầm non số 2 Na Tông”.

Nhà trường hiện có một khu trung tâm và ba điểm trường lẻ; Trung tâm và các điểm trường đều chưa có điện lưới quốc gia; giao thông khó khăn hiểm trở. Toàn bộ học sinh của trường đều là con em đồng bào dân tộc H'Mông. Khu trung tâm trường đặt tại bản Sơn Tống, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên, cách trung tâm xã Núa Ngam 35 km. Điểm bản Huổi Chanh cách trung tâm trường 10 km; điểm trường Gia Phú A cách trung tâm trường 14 km; điểm trường Gia Phú B cách trung tâm trường 15 km.

2. Quy mô lớp học, số lượng trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Năm học 2025 – 2026 trường mầm non số 2 Na Tông có tổng số 11 lớp trong đó 06 lớp mẫu giáo và 05 nhóm trẻ. Số học sinh toàn trường là 228, trong đó có 152 học sinh mẫu giáo, 76 học sinh nhóm trẻ.

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên toàn trường 19 đồng chí. Trong đó: Ban giám hiệu 2 đ/c; giáo viên giảng dạy: 15 đ/c; nhân viên: 2 đ/c. Trình độ chuyên môn: Cao đẳng: 05, Đại học 13.

Có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

Chi bộ độc lập gồm 13 Đảng viên

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Trung tâm và các điểm trường có diện tích đảm bảo để tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, sử dụng ổn định, không có tranh chấp nhưng chưa có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, hoặc đã có nhưng số liệu bị thay đổi không đúng so với thực tế sử dụng.

Điểm trường Gia Phú B còn một phần lối đi nhờ đất nhà dân, chưa thương lượng được việc mua, bán, hiến tặng.

Tổng số phòng học: 11 trong đó: Kiên cố 07, bán kiên cố: 04;

Số lớp đủ đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu: 7; Số sân chơi: 04 trong đó sân chơi có đồ chơi ngoài trời: 02; số bếp ăn: 04.

4. Thuận lợi, khó khăn trong phát triển nhà trường.

4.1. Thuận lợi

Nhà trường được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại khu trung tâm; được sự quan tâm tạo điều kiện của Đảng ủy, UBND xã Núa Ngam; sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể xã và các đơn vị đóng chân trên địa bàn.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đạt chuẩn trở lên, luôn đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, tâm huyết với nghề. 100% giáo viên có chứng chỉ tin học, soạn bài vi tính.

4.2. Khó khăn

So với quy định còn thiếu 01 CBQL, 05 GV và 02 NV.

100% con em đồng bào dân tộc H'Mông; ngôn ngữ khác biệt ảnh hưởng đến việc học tiếng Việt của trẻ. Đa số phụ huynh tảo hôn, sinh nhiều con, ít quan tâm đến việc học của trẻ. Nhiều phụ huynh không biết hoặc biết ít tiếng phổ thông, rất khó khăn trong việc tuyên truyền vận động.

Cơ sở vật chất: Còn nhiều khó khăn, đồ dùng – đồ chơi thiếu, nhất là điểm lẻ; chưa có điện lưới quốc gia; giao thông đi lại hiểm trở.

5. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển các năm trước

Nhà trường cơ bản thực hiện được các mục tiêu đề ra, có những nội dung vượt xa kế hoạch như về quy mô số lớp, học sinh; có nội dung chưa đạt về trình

độ giáo viên do kế hoạch chiến lược giai đoạn trước chưa sát hợp thực tế, thiếu sự điều chỉnh kịp thời.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Tầm nhìn

Trường Mầm non số 2 Na Tông phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục mầm non uy tín, chất lượng tại vùng biên giới, nơi mọi trẻ em dân tộc H'Mông đều được chăm sóc, giáo dục toàn diện trong môi trường an toàn, thân thiện, giàu bản sắc văn hóa và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

2. Sứ mệnh

Nhà trường cam kết mang đến cho trẻ môi trường học tập và vui chơi bình đẳng, thân thiện; chú trọng phát triển ngôn ngữ, kỹ năng sống, thể chất và tình cảm xã hội; vừa gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc H'Mông vừa giúp trẻ từng bước làm quen, sử dụng tiếng Việt để tự tin hòa nhập khi lên bậc học cao hơn. Đồng thời, nhà trường đồng hành cùng gia đình và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, khắc phục khó khăn do điều kiện kinh tế – xã hội còn hạn chế.

3. Giá trị cốt lõi

Yêu thương – Trách nhiệm: Lấy tình yêu thương trẻ làm trung tâm, trách nhiệm chăm sóc và giáo dục toàn diện làm kim chỉ nam.

Tôn trọng – Hòa nhập: Tôn trọng ngôn ngữ, văn hóa dân tộc H'Mông; đảm bảo mọi trẻ đều được học tập trong môi trường công bằng và bình đẳng.

Sáng tạo – Thích ứng: Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học, sáng tạo trong tổ chức hoạt động, thích ứng linh hoạt với điều kiện còn khó khăn.

Gắn kết – Phát triển bền vững: Gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng; huy động mọi nguồn lực để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và phát triển lâu dài.

4. Phương châm hành động

“Tất cả vì trẻ thơ – Yêu thương, tôn trọng, sáng tạo, hội nhập”

IV. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu chung

Giáo dục mầm non là nền tảng, ưu tiên đầu tư phát triển cho trẻ em dân tộc thiểu số nhằm rút ngắn khoảng cách về chất lượng giáo dục.

Lấy trẻ làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt và phát huy năng lực riêng của mỗi trẻ.

Tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ nhằm nâng cao khả năng học tập, giao tiếp và hội nhập của trẻ.

Phát huy vai trò cộng đồng và huy động sự tham gia của phụ huynh, đoàn thể địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu chung đến năm 2030

Đến năm 2030, Trường Mầm non số 2 Na Tông trở thành môi trường giáo dục mầm non an toàn, thân thiện, chất lượng, đáp ứng yêu cầu Chương trình GDMN. Tất cả trẻ em dân tộc H'Mông trong độ tuổi được đến trường, được chăm sóc – giáo dục toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội, thẩm mỹ và nhận thức; vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vừa có nền tảng tiếng Việt vững chắc để tự tin bước vào bậc tiểu học. Nhà trường khẳng định vai trò là trung tâm giáo dục cộng đồng, gắn kết gia đình – xã hội, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, tiến tới ngang tầm với mặt bằng chung của các trường trên địa bàn.

Hoàn thành xây dựng trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I vào năm học 2028-2029.

2.2. Mục tiêu trung hạn đến năm 2027

Bảo đảm 100% trẻ 5 tuổi đến lớp, duy trì ổn định tỷ lệ chuyên cần đạt trên 95%; Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi xuống dưới 3,5%, số liệu bền vững.

Mỗi lớp có 01 góc học tập song ngữ (Mông – Việt).

Nâng cao năng lực đội ngũ: 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên, 80% giáo viên có khả năng giao tiếp song ngữ.

Hoàn thiện tối thiểu 70% phòng học kiên cố, có sân chơi và khu vệ sinh thiết kế phù hợp cho trẻ mầm non.

Tăng cường kết nối phụ huynh, 80% phụ huynh tham gia ít nhất 02 hoạt động giáo dục – tuyên truyền của trường mỗi năm.

3. Mục tiêu ngắn hạn hằng năm (2025–2030)

Huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 100%; trẻ nhà trẻ đạt trên 55%.

Thực hiện kế hoạch giáo dục năm học đúng theo Chương trình GDMN, có điều chỉnh phù hợp thực tế.

Xây dựng, duy trì ít nhất 01 mô hình hoạt động giáo dục gắn với văn hóa dân tộc H'Mông mỗi năm (trò chơi dân gian, kể chuyện dân tộc, lễ hội truyền thống).

Mỗi giáo viên tự bồi dưỡng ít nhất 02 chuyên đề/năm về phương pháp dạy học tích cực, giáo dục phát triển ngôn ngữ.

Hằng năm giảm 0,3% tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi.

Tổ chức ít nhất 02 hoạt động phối hợp cộng đồng/năm (họp phụ huynh bằng song ngữ, tuyên truyền dinh dưỡng – vệ sinh, hội thi văn nghệ – trò chơi dân gian).

Cải tạo, bổ sung từ 1–2 hạng mục cơ sở vật chất/năm (phòng học, sân chơi, bếp ăn, nhà vệ sinh)

Bảng chỉ tiêu cụ thể theo từng năm học về cải tạo CSVC (2025–2030)

Năm học	Nội dung	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn thực hiện
2025–2026	Xây mới khu trung tâm	11.000	Ngân sách nhà nước
	Xây 1 phòng học kiên cố, 01 phòng công vụ, WC điểm trường Huổi Chanh	300	Vận động tài trợ từ các mạnh thường quân
	Thay biển cổng các điểm trường, Sửa lớp học, sân Gia Phú A	20	Vận động tài trợ từ cha mẹ học sinh
2026–2027	Xây dựng cảnh quan môi trường khu trung tâm (cây cảnh, hoa, góc trải nghiệm)	25	Vận động tài trợ từ cha mẹ học sinh
	Cải tạo công trình vệ sinh các điểm trường	20	Ngân sách tiết kiệm chi thường xuyên
	Xây 1 phòng học kiên cố điểm trường Gia Phú B	300	Vận động tài trợ từ các mạnh thường quân
	Xây kè, tường bao, cổng điểm trường Gia Phú B	200	Ngân sách nhà nước
2027–2028	Cải tạo nhà bếp các điểm trường	35	Ngân sách tiết kiệm chi thường xuyên
	Xây kè, tường bao, cổng điểm trường Gia Phú A	200	Ngân sách nhà nước
	Cải tạo cảnh quan môi trường các điểm trường	25	Vận động tài trợ từ cha mẹ học sinh
2028–2029	Cải tạo cảnh quan môi trường trung tâm các điểm trường	45	Vận động tài trợ từ cha mẹ học sinh và tiết kiệm chi thường xuyên

	Rà soát tu sửa các hạng mục đảm bảo yêu cầu trường chuẩn Quốc gia mức độ I	300	Ngân sách nhà nước
2029–2030	Làm nhà xe các điểm trường	30	Tiết kiệm chi thường xuyên
	Cải tạo cảnh quan môi trường trung tâm các điểm trường	25	Vận động tài trợ từ cha mẹ học sinh

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Căn cứ vào mục tiêu, các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và thách thức để xác định nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược. Các nhóm giải pháp cần thiết để thực hiện chiến lược là:

1. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

1.1. Hoàn thiện hệ thống quản lý, quy chế nội bộ

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định của nhà trường: quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ, quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế phối hợp với các tổ chức đoàn thể và cộng đồng.

Xây dựng và áp dụng các quy trình làm việc khoa học, rõ ràng, đảm bảo hiệu quả và tính minh bạch trong mọi hoạt động.

1.2. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu

Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục trong việc bố trí, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, biên chế, chế độ chính sách cho giáo viên và trẻ.

Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý

Triển khai và sử dụng các phần mềm quản lý trường học, quản lý hồ sơ điện tử, chữ ký số, quản lý văn bản đi – đến.

Ứng dụng các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội, website trường để thông tin, tuyên truyền, kết nối giữa nhà trường – phụ huynh – cộng đồng.

Từng bước hình thành môi trường quản lý số hóa.

1.4. Nâng cao năng lực quản lý

Cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về quản lý giáo dục, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, kỹ năng lãnh đạo.

Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lý trong nội bộ trường và với các trường bạn.

Khuyến khích tinh thần tự học, đổi mới, sáng tạo trong quản trị nhà trường.

1.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng

Thực hiện kiểm tra nội bộ thường xuyên và đột xuất trên tất cả các mặt hoạt động của nhà trường, kịp thời điều chỉnh sai sót, nâng cao kỷ cương – nề nếp.

Tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn kiểm định, từng bước đáp ứng yêu cầu chuẩn Quốc gia mức độ I.

Công khai kết quả kiểm tra, giám sát, gắn với công tác thi đua – khen thưởng, nhằm động viên và tạo động lực cho tập thể, cá nhân.

2. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về phát triển mạng lưới, quy mô trường lớp, học sinh

Nhà trường tập trung phát triển mạng lưới và quy mô trường lớp, bảo đảm phù hợp với đặc thù vùng biên giới, địa bàn rộng, giao thông khó khăn.

Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục sát với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của trẻ trong độ tuổi mầm non.

Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương để mở rộng quỹ đất, quy hoạch và bố trí hợp lý các điểm trường.

Thực hiện tốt công tác huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt chú trọng nhóm nhà trẻ 0-2 tuổi và trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi; duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đồng thời nâng cao tỷ lệ chuyên cần của học sinh, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về phát triển chương trình; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Nhà trường chú trọng phát triển chương trình giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận năng lực, lấy trẻ làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt và đảm bảo quyền được học tập, vui chơi của mọi trẻ em.

Nội dung chương trình được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế vùng biên giới và đặc thù của trẻ dân tộc H'Mông, hướng đến công bằng, hòa nhập, bình đẳng.

Tăng cường đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng trải nghiệm, tích cực, phát huy hứng thú, sự chủ động và sáng tạo của trẻ; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn thể chất và tinh thần.

Phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục gắn với rèn luyện kỹ năng sống cần thiết cho trẻ, chuẩn bị tốt cho hội nhập.

Nhà trường cũng quan tâm thực hiện giáo dục hòa nhập, tạo cơ hội cho trẻ khuyết tật cùng được học tập và phát triển trong môi trường thân thiện, an toàn và nhân văn.

4. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV, NV

Rà soát, kiện toàn đội ngũ theo vị trí việc làm: Thường xuyên thống kê số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên; Tham mưu UBND xã và Sở GD&ĐT trong việc bố trí, hợp đồng, bổ sung nhân lực theo quy định.

Sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có: Phân công giáo viên hợp lý giữa điểm trung tâm và điểm lẻ; Ưu tiên sắp xếp GV có năng lực, kinh nghiệm ở những điểm trường khó khăn; Phát huy tối đa sở trường, năng lực của từng giáo viên trong chuyên môn.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị và chuyên môn: Tổ chức học tập chính trị tại xã và các lớp tập huấn do Sở GD&ĐT tổ chức; Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, chuẩn nghề nghiệp GVMN; Khuyến khích tự học, nghiên cứu và chia sẻ chuyên môn trong tổ, nhóm.

Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số: Bồi dưỡng kỹ năng CNTT, sử dụng phần mềm quản lý, soạn giáo án điện tử; Khuyến khích GV tham gia các khóa học trực tuyến miễn phí hoặc do Sở GD&ĐT hỗ trợ; Xây dựng nhóm chia sẻ kinh nghiệm CNTT tại trường.

Xây dựng và phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán: Lựa chọn GV giỏi, uy tín làm cốt cán, hỗ trợ GV trẻ, GV mới; Tổ chức hội giảng, chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn định kỳ; Phát huy vai trò hạt nhân đổi mới, lan tỏa trong tập thể.

Đổi mới công tác đánh giá và tạo môi trường tích cực: Đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp, dựa trên minh chứng cụ thể; Kết hợp đánh giá định kỳ với động viên, khích lệ kịp thời; Xây dựng văn hóa trường học: đoàn kết, hợp tác, sáng tạo, dân chủ, thân thiện.

5. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về đầu tư, xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị

Nhà trường xác định cơ sở vật chất và thiết bị là điều kiện nền tảng bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trên cơ sở khảo sát thực tế, nhà trường lập kế hoạch đề xuất với UBND xã, Sở GD&ĐT và các cơ quan chức năng về nhu cầu đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp phòng học, bếp ăn, sân chơi, hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh, cũng như bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, học liệu.

Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, xanh – sạch – đẹp, phù hợp với đặc thù văn hóa địa phương, góp phần tạo không gian học tập và vui chơi tích cực cho trẻ.

6. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về tài chính

Quản lý tài chính là nội dung quan trọng để nhà trường duy trì hoạt động ổn định và phát triển bền vững. Nhà trường thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính được cấp từ ngân sách nhà nước theo đúng quy định, đồng thời công khai, minh bạch trong việc thu – chi các khoản dịch vụ hỗ trợ giáo dục từ cha mẹ học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực huy động, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực xã hội hóa, sự hỗ trợ từ cộng đồng, tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn tài chính cho đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và tổ chức các hoạt động giáo dục.

7. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý: Triển khai hồ sơ điện tử, quản lý văn bản đi – đến qua phần mềm, áp dụng chữ ký số. Sử dụng các phần mềm quản lý trường học (quản lý trẻ, điểm danh, sức khỏe, dinh dưỡng, kế hoạch dạy học, tài chính...). Tăng cường sử dụng nền tảng online trong chỉ đạo, điều hành.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học: Thử nghiệm sử dụng AI trong quản trị dữ liệu (báo cáo, thống kê, phân tích dữ liệu). Hỗ trợ giáo viên ứng dụng AI trong thiết kế bài giảng, học liệu số, xây dựng kịch bản dạy học phù hợp đặc điểm lứa tuổi. Hướng dẫn giáo viên khai thác các công cụ AI để tăng tính trực quan, sinh động trong giảng dạy.

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng thiết bị CNTT: Lập kế hoạch, đề xuất trang bị máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, đường truyền Internet ổn định cho trung tâm và các điểm trường khi có điện lưới quốc gia. Tăng cường thiết bị phục vụ giáo dục trực quan, học tập trải nghiệm có yếu tố công nghệ. Đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu số của nhà trường.

Xây dựng kho học liệu số của nhà trường: Từng bước số hóa giáo án, tài liệu chuyên môn, kế hoạch giáo dục để chia sẻ nội bộ. Tạo thư viện số cho trẻ với hình ảnh, video, trò chơi học tập phù hợp văn hóa dân tộc H'Mông và ngôn

ngữ tiếng Việt. Khuyến khích giáo viên xây dựng và chia sẻ bài giảng điện tử, học liệu mở. Phối hợp với phụ huynh trong việc tiếp cận tài liệu số qua điện thoại, mạng xã hội để hỗ trợ trẻ học tập tại nhà.

8. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp về huy động các nguồn lực và xây dựng mối quan hệ với cộng đồng

Đẩy mạnh công tác truyền thông: Xây dựng và vận hành hiệu quả các kênh truyền thông chính thức của nhà trường (Website, Fanpage Facebook, Zalo...) nhằm quảng bá hình ảnh, chia sẻ thông tin, hoạt động và thành tựu nổi bật. Tăng cường truyền thông trực tiếp tại địa phương bằng pano, áp phích, loa phát thanh của bản, để nâng cao nhận thức của phụ huynh và cộng đồng về vai trò của giáo dục mầm non. Phát huy hình thức bản tin, video, hình ảnh phản ánh đời sống và hoạt động giáo dục của trẻ, giúp phụ huynh và cộng đồng gắn bó, tin tưởng hơn với nhà trường.

Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh: Xây dựng cơ chế làm việc thường xuyên, minh bạch giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Phát huy vai trò cầu nối trong việc tuyên truyền, vận động cha mẹ đưa trẻ đến lớp đầy đủ, đúng độ tuổi. Huy động sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động trải nghiệm, sự kiện văn hóa – lễ hội, tạo môi trường giáo dục gắn kết.

Mở rộng quan hệ với cộng đồng và các tổ chức địa phương: Tham mưu với UBND xã, phối hợp với cán bộ bản, các đoàn thể trong bản (Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân) trong việc huy động trẻ ra lớp, xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện. Tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng phong trào “Toàn dân chăm lo sự nghiệp giáo dục” tại địa bàn.

Khuyến khích các tổ chức đoàn thể cùng tham gia hỗ trợ dọn vệ sinh, trồng cây xanh, cải tạo môi trường giáo dục.

Kết nối, huy động nguồn lực từ bên ngoài: Chủ động liên hệ, kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh để vận động hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, quà tặng cho trẻ em. Xây dựng các dự án giáo dục cộng đồng (thư viện nhỏ cho trẻ, sân chơi an toàn, bữa ăn dinh dưỡng...) để kêu gọi tài trợ.

Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, các chương trình, dự án hỗ trợ trẻ em vùng khó khăn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Về quy mô trường, lớp và số học sinh

Năm học	Tổng số		Chia ra									
	Số lớp	Số trẻ	5-6 tuổi		4-5 tuổi		3-4 tuổi		Nhóm trẻ		Lớp ghép	
			Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ
2025-2026	11	228	1	17	1	26	1	34	5	76	3	75
2026-2027	11	234	1	26	1	34	1	30	5	72	3	72
2027-2028	11	245	1	34	1	30	1	27	5	72	3	82
2028-2029	11	232	1	30	1	27	1	30	5	74	3	71
2029-2030	11	234	1	27	1	30	1	32	5	72	3	73

2. Về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

- Tiếp cận chương trình giáo dục Mầm non mới.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho cô và trẻ.
- Nâng cao chất lượng bữa ăn giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi cuối năm so với đầu năm học.

Năm học	Số trẻ	Cân nặng			Chiều cao			Cân nặng/chiều cao		
		Bình thường	SDD thể nhẹ cân	SDD nặng	Bình thường	SDD thể thấp còi	Thấp còi nặng	Bình thường	Gầy còm	Béo phì
2025-2026	228	221	7		219	9		227	1	0
		96,93	3,07		96,1	3,95	-	99,56	0,44	-
2026-2027	234	227	7		225	9		233	1	0
		97,01	2,99	-	96,2	3,85	-	99,57	0,43	-
2027-2028	245	237	8		236	9		243	2	0
		96,73	3,27	-	96,3	3,67	-	99,18	0,82	-
2028-2029	232	225	7		223	9		232	0	0
		96,98	3,02	-	96,1	3,88	-	100	-	-
2029-2030	234	227	7		225	9		234	0	0
		97,01	2,99	-	96,2	3,85	-	100	-	-

3. Về Đội ngũ CBGVNV

Tham mưu tuyển dụng, hợp đồng giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng và trình độ chuyên môn theo quy định. Đối với nhà trẻ 2,5 giáo viên/lớp, mẫu giáo 2,2 giáo viên/lớp; có đủ nhân viên làm nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế, nấu ăn, bảo vệ.

4. Về cơ sở vật chất, TBDH, ĐDDC

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng trường đảm bảo đủ số phòng học, phòng chức năng cho học sinh học tập, vui chơi.

- Tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa trang thiết bị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ từ nguồn kinh phí giao quyền tự chủ theo quy định. Huy động các nguồn lực xã hội thực hiện xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

- Quy hoạch môi trường bên trong và bên ngoài, trồng thêm cây xanh, hoa cảnh tạo môi trường Xanh- Sạch- Đẹp.

5. Về Kiểm định CLGD và XD trường chuẩn

Huy động mọi nguồn lực để thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn quốc gia theo Thông tư 19/2018/TT-Bộ GD&ĐT.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cán bộ quản lý

a) Hiệu trưởng

Là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Hiệu trưởng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Sở GD&ĐT và UBND xã về các cơ chế, chính sách, nguồn lực để đảm bảo thực hiện hiệu quả chiến lược; thành lập Hội đồng tư vấn và chỉ đạo xây dựng dự thảo kế hoạch chiến lược; tổ chức lấy ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, các đoàn thể trong trường, chính quyền địa phương và Sở GD&ĐT; ban hành kế hoạch chiến lược sau khi được UBND xã phê duyệt.

Hiệu trưởng có trách nhiệm triển khai, phổ biến và công khai kế hoạch chiến lược đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; đăng tải trên Website của trường; gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên, chi bộ và các bên liên quan. Đồng thời, Hiệu trưởng là đại diện pháp lý của nhà trường trong quan hệ với chính quyền, các tổ chức chính trị – xã hội, đơn vị tài trợ để huy động nguồn lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chiến lược.

Hàng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, phân công nhiệm vụ, tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai; thực hiện báo cáo

định kỳ và đột xuất về tiến độ và kết quả thực hiện chiến lược với Sở GD&ĐT, UBND xã và các cơ quan liên quan; đồng thời kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết nhằm đảm bảo Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đạt được mục tiêu đề ra.

b) Phó hiệu trưởng

Là người giúp việc trực tiếp cho Hiệu trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo sự phân công cụ thể. Phó Hiệu trưởng có trách nhiệm tham mưu, xây dựng dự thảo các kế hoạch hành động chi tiết (hàng năm, theo quý, tháng) trên cơ sở Kế hoạch chiến lược; trực tiếp phụ trách, điều hành việc triển khai một số nhóm nhiệm vụ và giải pháp theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Phó Hiệu trưởng theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, đoàn thể và cá nhân; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và tham mưu Hiệu trưởng biện pháp giải quyết. Đồng thời, có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện từ các bộ phận và cá nhân, báo cáo Hiệu trưởng để làm cơ sở báo cáo định kỳ và đột xuất với cấp trên.

Ngoài ra, Phó Hiệu trưởng phối hợp với Hiệu trưởng trong việc tổ chức giám sát, đánh giá tiến độ, hiệu quả thực hiện chiến lược; tham gia điều chỉnh, bổ sung kế hoạch khi cần thiết; đồng thời tham gia công tác đối ngoại, phối hợp với địa phương và các tổ chức liên quan nhằm huy động nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện thành công Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

2. Tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, tổ văn phòng

Là lực lượng nòng cốt, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của tổ gắn với việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Cụ thể:

Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hàng năm, từng học kỳ và theo giai đoạn, trên cơ sở Kế hoạch chiến lược chung của nhà trường và các quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ mà tổ được phân công phụ trách; bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên/nhân viên trong tổ; kịp thời động viên, hỗ trợ để nâng cao hiệu quả công việc. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của tổ theo định kỳ/thời điểm quy định cho Phó Hiệu trưởng, làm cơ sở đánh giá tiến độ thực hiện Chiến lược của trường.

Nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ của giáo viên/nhân viên trong tổ; chủ động đề xuất giải pháp với Ban Giám hiệu để kịp thời tháo gỡ.

Tham gia các hoạt động bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra – đánh giá nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Giáo viên, nhân viên

Giáo viên, nhân viên là lực lượng trực tiếp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Cụ thể:

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ trường mầm non, chấp hành sự phân công, chỉ đạo của Ban Giám hiệu và Tổ trưởng chuyên môn.

Đổi mới và thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non, bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo mục tiêu, yêu cầu chiến lược.

Chủ động học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản lý lớp, giảng dạy và chăm sóc trẻ.

Đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, vận dụng linh hoạt phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của trẻ.

Phối hợp chặt chẽ với gia đình và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ phụ huynh về công tác giáo dục.

Tích cực tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, xanh – sạch – đẹp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và uy tín của nhà trường.

Tham gia đầy đủ các hoạt động của nhà trường, tổ chuyên môn, các đoàn thể, thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành và địa phương.

Thực hiện công tác báo cáo, phản hồi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định; nêu cao tinh thần trách nhiệm, trung thực và hợp tác trong công việc.

4. Các tổ chức, đoàn thể

Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS)

Tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo Chiến lược phát triển nhà trường, phản ánh nhu cầu và nguyện vọng của phụ huynh, học sinh.

Phối hợp với nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; hỗ trợ công tác truyền thông, huy động trẻ ra lớp, nâng cao tỷ lệ chuyên cần.

Tham gia giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược theo quyền và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS.

Vận động, huy động sự tham gia, ủng hộ của phụ huynh và cộng đồng để tăng cường nguồn lực cho nhà trường.

Các đoàn thể trong trường (Chi bộ Đảng, Chi đoàn)

Chi bộ Đảng: Lãnh đạo toàn diện công tác xây dựng và triển khai Chiến lược; ban hành nghị quyết chuyên đề; kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Chi đoàn thanh niên: Tổ chức các hoạt động phong trào gắn với mục tiêu chiến lược; hỗ trợ công tác tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, xây dựng môi trường học đường xanh – sạch – đẹp.

5. Cơ chế phối hợp với các tổ chức liên quan

Phối hợp với Trạm y tế xã Núi Ngăm

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, theo dõi biểu đồ tăng trưởng và phát hiện sớm các bệnh tật, suy dinh dưỡng, khuyết tật.

Phối hợp tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, phụ huynh và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh trong trường.

Phối hợp triển khai các chương trình tiêm chủng mở rộng, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường học đường.

Phối hợp với trưởng bản, Bí thư chi bộ, trưởng ban công tác mặt trận

Cùng tuyên truyền, vận động phụ huynh đưa trẻ trong độ tuổi ra lớp, hạn chế tình trạng bỏ học hoặc đi học không chuyên cần.

Nắm bắt thông tin từ cộng đồng, phối hợp giải quyết những khó khăn của phụ huynh trong việc cho con em đến trường.

Huy động sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, bảo vệ cơ sở vật chất trường học, giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn.

Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các đoàn thể xã hội

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngày hội, sự kiện gắn với chăm sóc, giáo dục, vui chơi cho trẻ.

Phối hợp trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

Đoàn Thanh niên hỗ trợ tổ chức các hoạt động tình nguyện, xây dựng môi trường học tập thân thiện, hỗ trợ cơ sở vật chất trường lớp.

Hội Liên hiệp Phụ nữ phối hợp tuyên truyền nuôi con khoa học, vận động cha mẹ tham gia đầy đủ, trách nhiệm trong công tác phối hợp giáo dục.

Phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị bộ đội, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn

Kêu gọi, huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ chơi, học liệu.

Phối hợp tổ chức các chương trình thiện nguyện, tặng quà cho học sinh vùng khó khăn, dịp lễ, Tết.

Huy động sự giúp đỡ trong lao động công ích, sửa chữa trường lớp, tạo cảnh quan môi trường.

Kết nối với các đơn vị bộ đội trong việc xây dựng “Đồn – Trường – Thôn bản” gắn kết, đảm bảo an ninh an toàn cho nhà trường và học sinh.

- Nguyên tắc phối hợp:

Đảm bảo dân chủ – công khai – minh bạch – hiệu quả.

Phối hợp dựa trên kế hoạch thống nhất, có phân công rõ ràng trách nhiệm, thời gian và kết quả đầu ra.

Có cơ chế theo dõi, đánh giá, ghi nhận và biểu dương các cá nhân, tổ chức tham gia hiệu quả.

VIII. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH

1. Cơ chế rà soát, đánh giá định kỳ

Cuối học kỳ: Tổ chức đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phát hiện những hạn chế, khó khăn; từ đó kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

Cuối năm học: Tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch chiến lược trong năm; so sánh kết quả đạt được với chỉ tiêu đã đề ra; báo cáo với cấp quản lý trực tiếp và thông tin công khai trong hội đồng sư phạm.

Cuối giai đoạn (2027, 2030): Tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch chiến lược; phân tích mức độ đạt mục tiêu chung, mục tiêu trung hạn, mục tiêu hằng năm; xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức; làm cơ sở để xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo.

2. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược

Việc điều chỉnh phải dựa trên dữ liệu và minh chứng đã thu thập được (báo cáo kết quả, số liệu thống kê, phản hồi của phụ huynh, học sinh, giáo viên, cộng đồng).

Các nội dung điều chỉnh cần có cơ sở khoa học, phù hợp thực tiễn, đặc biệt khi có sự thay đổi về chủ trương, chính sách, điều kiện kinh tế - xã hội hoặc những biến động khách quan khác.

Điều chỉnh kịp thời ngay khi phát hiện vấn đề, không để kéo dài gây ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và sự phát triển bền vững của nhà trường.

Quá trình điều chỉnh cần có sự tham gia, thảo luận, đóng góp ý kiến của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương, đảm bảo sự đồng thuận và thống nhất cao.

Mọi điều chỉnh phải hướng tới mục tiêu cuối cùng: nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; bảo đảm chiến lược đạt hiệu quả thiết thực, bền vững, phù hợp với điều kiện đặc thù vùng miền.

Nơi nhận:

- UBND xã Núi Ngam
- Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên
- CB, GV, NV;
- Ban đại diện CMHS;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Nhớ

PHÊ DUYỆT CỦA UBND XÃ NÚA NGAM

P. CHỦ TỊCH



Cao Văn Hoàn